

LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG

QUYỂN 3

*Lại có ý sư khác
Tư lương Bồ-đề ấy
Thật xả cùng tịch, trí
Thâu vào bốn xứ kia.*

Có một Luận sư thực hiện ý nghĩa như vậy: Tất cả tư lương Bồ-đề đều được thâu vào nơi Thật xứ - Xả xứ - Tịch xứ và Trí xứ. Thật là tướng không giả dối, thật chính là giới, vì vậy thật là Thi la Ba-la-mật. Xả tức là bố thí, do vậy nơi xả là Đàn na Ba-la-mật. Tịch là tâm không vẫn đục. Nếu tâm ở nơi không vẫn đục, thì sự việc thích hay không thích đều không thể lay động được, vì thế ở nơi tịch là Sàn đề Ba-la-mật và Thiền na Ba-la-mật. Ở nơi trí vẫn là Bát nhã Ba-la-mật và Tỳ-lê-da Ba-la-mật. Lần lượt đi vào các nơi nếu không có tinh tấn, thì tại các nơi ấy không có thành tựu. Vì vậy, Tỳ-lê-da Ba-la-mật thành tựu mọi sự việc. Vì vậy nên biết, tất cả mọi tư lương đều gồm thâu vào bốn xứ.

Hỏi: Như kinh nói: “Dùng tư lương Từ đạt được tâm vô ngại, dùng tư lương Xả đoạn trừ được yêu - ghét”. Từ bi ở đây có gì sai biệt?

Đáp:

*Đại bi thấu xương tủy
Chỗ tựa cho chúng sanh
Như cha đối con một
Từ thì hiện hữu khắp.*

Nếu đi vào con đường nguy hiểm của sanh tử, rơi vào các nẻo địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ, ở trong màn lưới tà kiến xấu ác, rừng rậm ngu si bao phủ, đi theo đường tà không phải đạo, giống như mù tối, trong không xuất ly được mà thấy là thoát ra, bị các tên giặc lão bệnh tử ưu bi khổ não bắt giữ, đi vào rừng rậm của ý ma, rời bỏ, cách xa ý của Phật. Bồ-tát vô cùng thương xót, chọc thủng thân mình từ da

thịt đến gân xanh, cùng tận đến xương tủy, vì các chúng sanh làm nơi nương tựa, khiến các chúng sanh này có thể vượt qua cánh đồng sanh tử mênh mông, con đường hiểm nạn xấu ác như vậy, bước vào trong cung điện vô úy của tòa thành Nhất thiết trí. Ví như Trưởng giả chỉ có một người con phước đức mà gặp phải bệnh khổ, yêu thương vô cùng tận, chỉ nghĩ đến lúc nào người con ấy được lành bệnh. Tâm Bi cũng như vậy, chỉ khởi lên từ trong đau khổ của muôn loài. Tâm Từ khởi lên mọi nơi ở trong tất cả chúng sanh. Và lại, Từ nên đối với các chúng sanh đạt được tâm vô ngại, Bi nên ở trong sanh tử không có gì mệt mỏi chán nản. Nhưng Từ ở trong người thiện mà sanh ra, Bi vào trong người bất thiện mà sanh ra. Còn Bồ-tát tăng trưởng Từ nên không đắm vào niềm vui của mình, thì sanh ra Đại Từ. Tăng trưởng Bi nên xả bỏ các phần thân thể cho đến tính mạng, thì sanh ra Đại Bi.

*Nếu nghĩ công đức Phật
Và nghe thân biến Phật
Yêu thích thọ nhận tịnh
Đây là niềm vui lớn.*

Nếu nghĩ đến công đức của Phật, thì điều gì trong đó là công đức của Phật? Đó là chư Phật, Thế Tôn trong vô lượng trăm ngàn câu chi kiếp, đã tích tụ thiện căn, nghiệp thân khẩu ý bất hộ, đoạn trừ nghi ngờ trong năm loại nên biết, không sai lầm trong bốn loại trả lời vấn nạn, giảng dạy ba mươi bảy phẩm trợ pháp Bồ-đề, mười hai phần nhân duyên, giác ngộ trong duyên sanh, dạy cho chín giáo, đầy đủ bốn loại trí tri, đạt được bốn tâm vô lượng, đầy đủ sáu Ba-la-mật, nêu rõ về mười địa Bồ-tát, thành tựu đầy đủ năm chúng xuất thế, đầy đủ bốn vô úy, mười lực, mười tám pháp bất cộng của Phật, vô biên cảnh giới, tự tâm chuyển đổi tự tại, không có pháp nào tự chán đủ, đạt được Tam-ma-địa như Kim cang, thuyết pháp không giả dối, pháp không một lực nào có thể hủy hoại được, vốn là bậc thầy của thế gian, không ai có thể nhìn thấy đỉnh cao, không gì sánh bằng, không gì có thể hơn được, vốn là pháp không thể nghĩ bàn. Đạt được Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả, đủ trăm phước tướng, vô lượng thiện căn, vô biên công đức, vô lượng công đức, vô số công đức, công đức không thể nào phân biệt, công đức hiếm thấy, công đức không giống nhau. Những tên gọi như vậy, đều là nghĩ đến các công đức của Phật.

Nghe về sức thần biến của chư Phật là hướng về chư Phật Thế Tôn đã giáo hóa các chúng sanh, khởi lên thần thông biến hiện, tùy theo những chúng sanh nào cần cứu độ, tùy theo thân chúng sanh, tùy

hình lượng của chúng dài ngắn rộng hẹp, tùy theo sắc loại đủ thứ sai khác, tùy theo âm thanh đó phân biệt thanh tịnh, chư Phật Thế Tôn dùng nhiều loại thần thông hy hữu, như những việc làm của họ - như niềm tin và hy vọng của họ, dùng các loại phương tiện ấy hiện bày thần thông sai khác, nhằm giáo hóa họ. Nghe được điều này rồi yêu thích thọ nhận rất thanh tịnh, gọi là niềm vui lớn. Ở trong ấy nếu như nghe tâm vui mạnh mẽ gọi là Ái, tâm yêu thích tràn khắp thân thể gọi là Hỷ, tâm vui mừng cảm thấy sung sướng gọi là Thọ. Vào lúc cảm nhận an lạc nghĩ đến đức thần thông to lớn của bậc Chánh giác, tâm đó không vẫn đục gọi là Tịnh. Lúc tâm ấy thanh tịnh và ý vui mừng chứa chan gọi là Đại hỷ. Người kia bước lên phần ít nơi thừa, tuy cũng có Hỷ, vì không giống với người trước nên được gọi là Đại hỷ. Bồ-tát nên rời bỏ chúng sanh, hay là không nên rời bỏ?

Đáp:

*Bồ-tát đối chúng sanh
Không được phép buông bỏ
Nên tùy lực có được
Mọi lúc nên thâm nhận.*

Bậc Đại Bồ-tát luôn luôn nghĩ đến việc tạo lợi lạc cho các chúng sanh. Nếu ai bị tham sân si não hại, hành các thứ keo kiệt, phá giới, sân hận, lừa nhác, tâm rối loạn và trí ác, đi vào con đường khác. Những chúng sanh này Bồ-tát không nên rời bỏ, mà tất cả mọi lúc nên giảng giải về bố thí, trì giới để tu tập, tùy theo khả năng có thể của mình, phải cố gắng thâm nhận họ.

*Bồ-tát từ ban đầu
Nên thuận theo năng lực
Phương tiện độ cho chúng sanh
Khiến họ vào Đại thừa.*

Bậc Bồ-tát này bước vào Đại thừa ở trong chúng sanh, tùy theo khả năng mình từ lúc đầu cần phải thực hiện. Như ở trước trong Phương tiện Ba-la-mật-đã nói về phương tiện, nên tinh tấn dùng các phương tiện giáo hóa đưa họ vào Đại thừa này.

Hỏi: Tại sao Bồ-tát chỉ dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh, mà không lấy thừa Thanh văn, Độc giác để giáo hóa?

Đáp:

*Hóa hằng sa chúng sanh
Khiến đạt A-la-hán
Độ một vào Đại thừa*

Phước đức này là hơn.

Nếu giáo hóa hằng hà sa chúng sanh, đạt được quả A-la-hán, thì phước giáo hóa khiến vào Đại thừa kia, hơn hẳn phước giáo hóa của các thừa Thanh văn, Độc giác, vì chúng tử là vô tận, chúng tử của thừa Bồ-tát này có thể làm phương tiện phát tâm Bồ-đề, cũng vì sanh ra hàng Thanh văn, Độc giác, do đó, phước này hơn hẳn phước trước. Phước này hơn hẳn là vì Đại thừa so với thừa Thanh văn, Độc giác thì ở trên. Lại vì tâm Bồ-đề có vô lượng vô số phước đức, đồng thời căn cứ vào Đại thừa mà chúng tử Tam bảo không đoan dứt. Vì thế nên muốn cầu đại phước, phải dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh, không thể dùng Thừa nào khác.

Hỏi: Các bậc Đại Bồ-tát há chỉ dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh, mà không thể dùng thừa Thanh văn, Độc giác hay sao?

Đáp:

Giáo hóa thừa Thanh văn

Cho đến thừa Độc giác

Do vì ít năng lực

Không kham hóa Đại thừa.

Nếu chúng sanh có ý chí thấp, trung bình, bỏ sự nghiệp lợi tha, thiếu mất lòng đại bi, không kham nổi sự giáo hóa của Đại thừa, mới dùng thừa Thanh văn, Độc giác hóa độ họ.

Hỏi: Nếu như có chúng sanh, không thể dùng ba Thừa giáo hóa được, đối với chúng sanh ấy nên bỏ hay không bỏ?

Đáp:

Thừa Thanh văn, Độc giác

Cùng trong pháp Đại thừa

Người không nhận giáo hóa

Thuận đặt nơi phước thiện.

Nếu có chúng sanh, vui thích sanh tử, chán ghét giải thoát, không thể dùng thừa Thanh văn, Độc giác, cho đến Đại thừa để hóa độ họ, thuận theo nên giáo hóa họ xếp vào trong bốn phạm hạnh của Phạm thừa (Thiên thừa). Nếu vẫn không kham nổi sự giáo hóa theo Phạm thừa, thì cần phải giáo hóa họ đi vào mười nghiệp đạo thiện của Thiên thừa, cho đến vào trong sự nghiệp phước thiện như là bố thí..., không nên rời bỏ họ.

Hỏi: Nếu có chúng sanh ưa thích niềm vui thế gian, đối với việc làm của ba loại phước thiện không có khả năng thực hành được, vậy đối với người ấy nên như thế nào?

Đáp:

*Nếu người không nhận được
Hóa theo trời, giải thoát
Dùng lợi đời hiện tại
Như lực thuận giúp họ.*

Nếu có chúng sanh, chỉ mong cầu dục lạc, không nghĩ đến đời khác, luôn hướng về địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không thể nào giáo hóa khiến họ sanh lên cõi trời hay được giải thoát, cũng nên thương xót loại người ấy trí như con trẻ, như hiện đời của họ đã thích ứng thân giữ, tùy theo năng lực của mình có thể dùng bố thí v.v... nhiếp phục, thương xót, không rời bỏ.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đối với các chúng sanh có trạng thái như con trẻ, mà mình không có phương tiện nào thích hợp để hóa độ họ, vậy trước mắt đối với người ấy phải làm thế nào?

Đáp:

*Bồ-tát đối chúng sanh
Không duyên để giáo hóa
Nên khởi tâm từ bi
Không nên buông bỏ họ.*

Nếu Bồ-tát đối với các chúng sanh ưa thích tội ác, không cách nào có thể nhiếp phục, giáo hóa họ, thì nên khởi tâm đại từ bi thương xót như con cái của mình, như không có đạo lý nào khiến cha mẹ bỏ con!

Hỏi: Đã nói ở trong chúng sanh phải có phương tiện thâm phục họ nhận lấy, nay chưa biết phương tiện làm sao thâm phục họ khiến thọ nhận?

Đáp:

*Thí nhiếp cùng thuyết pháp
Trở lại lắng nghe họ thuyết pháp
Cũng thực hành công việc lợi tha
Đây là phương tiện để thâm hóa.*

Các Bồ-tát vì hóa độ chúng sanh, hoặc là dùng bố thí làm phương tiện giáo hóa, hoặc nhận bố thí của người khác, hoặc vì người khác mà thuyết pháp, hoặc lắng nghe người khác thuyết pháp, hoặc làm điều lợi ích cho người khác, hoặc dùng ái ngữ, hoặc lấy đồng sự, hoặc nói về lãnh vực các mình, hoặc dạy dỗ bằng công xảo, hoặc thị hiện làm mọi công việc, hoặc khiến người bệnh được khỏi bệnh, hoặc cứu giúp những tai nạn nguy hiểm. Như vậy đều gọi là phương tiện hóa độ chúng sanh. Nên dùng các phương tiện này để thâm nhận chúng sanh, không nên rời

bỏ.

Hỏi: Dùng những phương tiện hóa độ như vậy để thâu hóa chúng sanh rồi thành tựu lợi ích gì?

Đáp:

*Những việc lợi chúng sanh
Không mệt mỏi, buông thả
Khởi nguyện vì Bồ-đề
Lợi đời là lợi mình.*

Trong đây nói Bồ-tát dấy lên tâm nguyện tạo lợi ích cho thế gian, phát khởi ý như vậy: Phạm là việc có lợi cho thế gian mình đều phải làm. Lập lời thề này rồi, ở trong các chúng sanh làm mọi công việc, không nên mệt mỏi lơ lửng, không nên mặc ý buông thả. Lại nên khởi ý niệm: Nếu tạo lợi ích cho thế gian tức là lợi cho mình, vì vậy Bồ-tát đối với nhân duyên lợi lạc chúng sanh, không nên rời bỏ.

Hỏi: đã nói Bồ-tát thường nên làm lợi lạc cho chúng sanh, không nên hành xả bỏ, vậy ở trong các pháp là rời bỏ hay không rời bỏ?

Đáp:

*Vào sâu trong pháp giới
Diệt, lìa mọi phân biệt
Tất không có công dụng
Các nơi tự nhiên bỏ.*

Pháp giới chính là duyên sanh, vì vậy trước tiên nói: Như Lai nếu như xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn thường trú trong pháp tánh của pháp giới này, đó gọi là duyên sanh. Lại như trước kia nói: A-nan-đà! Duyên sanh rất sâu xa, nên chứng đắc cũng rất sâu xa. Vì vậy Bồ-tát đi vào pháp giới rất sâu xa này, diệt trừ tất cả hai phía có và không, giữ lấy trí phương tiện rồi, lập tức đoạn trừ các niệm động hý luận phân biệt, xa rời các tướng thủ, các tâm ý thức hành xứ đều không hiện trở lại, thậm chí ở nơi hạnh Phật, hạnh Bồ-đề, hạnh Bồ-tát, hạnh Niết-bàn cũng không thực hành, nên đối với các pháp không tạo công dụng nữa. Ở trong các pháp, tâm được tịch tĩnh, vô cùng tịch tĩnh không có phân biệt, đây gọi là đệ nhất nghĩa xả. Đây chính là Bồ-tát không có phân biệt. Đã nói về xả của xuất thế gian, nay sẽ nói về xả của thế gian.

*Những lợi, danh, khen, vui
Bốn xứ đều không vướng
Ngược trên cũng không ngại
Như vậy gọi là xả.*

Ở trong lợi dưỡng, danh tiếng, ca ngợi, niềm vui... không có gì

chấp trước, ngược lại với điều này, trong những lúc không có lợi, không có danh, hủy báng, khổ đau, cũng không thoái lui vương ngại, rời bỏ yêu-ghét, trú ở giữa, không có phân biệt. Đây gọi là phần thứ hai nói về xả của thế gian.

Hỏi: Nếu Bồ-tát ở trong các pháp, thực hiện đệ nhất nghĩa xả ấy, vì Bồ-đề nên như lửa cháy đầu, y phục, như thế, Bồ-tát phải siêng năng thực hành như thế nào để có thể đạt được?

Đáp:

*Bồ-tát vì Bồ-đề
Cho đến chưa bất thoái
Như lửa cháy đầu, y
Nên hành hạnh siêng năng.*

Tuy Bồ-tát đối với các pháp nên xả bỏ như thế, mà thường quyết định tu tập như cứu lửa cháy đầu, y phục... Thậm chí nếu chưa đạt bất thoái chuyển nơi Bồ-đề, vì đạo Bồ-đề nên phải siêng năng tu trì... Ở đây, Bồ-tát có năm loại nhân duyên không thoái chuyển Bồ-đề, cần phải biết. Những gì là năm loại? Trong các kinh như Hoa Tụ... nói: “Nếu nghe đầy đủ về Đại nguyện của các Bồ-tát và danh hiệu Phật Thế Tôn, đây là nhân duyên thứ nhất. Nếu vì nguyện sanh đến cõi nước của Đức Phật kia, đây là nhân duyên thứ hai. Thọ trì và nói về Bát nhã Ba-la-mật cùng những kinh pháp sâu xa, đây là nhân duyên thứ ba. Tu tập, hiện tại trú vào các Tam-ma-đề (Định) và tùy hỷ được điều ấy, đây là nhân duyên thứ tư.

Bốn nhân duyên này gọi là chưa đạt được vị nhẫn bất thoái chuyển của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát này trú vào địa Bất động của Bồ-tát rồi đạt được nhẫn vô sanh, thì gọi là cứu cánh quyết định bất thoái chuyển. Đây là nhân duyên thứ năm”.

Hỏi: Nếu trong bốn loại nhân duyên ấy, thuận theo một nhân duyên, Bồ-tát được bất thoái chuyển, thì trước nói như lửa cháy đầu, y phục, nên phải siêng năng tu hành, vậy Bồ-tát kia thành tựu như thế nào?

Đáp:

*Nhưng các Bồ-tát kia
Luôn vì cầu Bồ-đề
Tinh tấn không ngừng nghỉ
Vì gánh trách nhiệm nặng.*

Tuy trong bốn nhân duyên, tùy theo một nhân duyên, Bồ-tát đều đạt được bất thoái, nhưng phải tinh tấn không nên ngơi nghỉ. Do đó

trước tiên nói rõ: Tôi sẽ khiến cho các chúng sanh đều đạt được Niết-bàn. Vì gánh vác trách nhiệm nặng như vậy, nên ở trong thời gian đó luôn tinh tấn không nghỉ.

Hỏi: Tại sao ở trong thời gian đó tinh tấn không ngơi nghỉ?

Đáp:

*Chưa sanh đại bi, nhẫn
Tuy được bất thoái chuyển
Bồ-tát còn sanh tử
Phóng dật còn khởi lên.*

Ở trong bốn nhân duyên thuận theo nhân duyên nào, đạt được quả vị Bồ-tát bất thoái chuyển? Do Bồ-tát kia chưa sanh khởi đại bi, cho đến chưa đạt được nhẫn vô sanh, ở trong thời gian đó nhận chịu nghiệp lực sanh tử, vì đi vào những phóng dật, do vậy Bồ-tát cần phải siêng năng thực hành như lửa cháy đầu, y phục, để đạt được nhẫn vô sanh, vì vậy trong thời gian đó tinh tấn không ngừng.

Hỏi: Bồ-tát lại có cái chết nào?

Đáp:

*Địa Thanh văn, Độc giác
Nếu vào liền thành chết
Vì đoạn nơi Bồ-tát
Các căn đã biết rõ.*

Như trước đã nói về bốn loại nhân duyên, tùy theo nhân duyên nào đạt được bất thoái chuyển? Vì Bồ-tát này chưa có đại bi, chưa đạt được nhẫn vị, chưa vượt qua phần vị Thanh văn, Độc giác, hoặc vì lực của bạn ác nên sợ hãi nỗi khổ sanh tử, hoặc trong thời gian thọ sanh, hoặc thời điểm kiếp hoại, vì hiềm khích trách mắng Bồ-tát, hủy hoại phỉ báng chánh pháp, tâm Bồ-đề thay đổi, đã dấy lên tâm ở phần vị Thanh văn, Độc giác, hoặc giải thoát ở tại Thanh văn. Nếu Độc giác lấy giải thoát tác chứng, thì đoạn mất căn Bồ-tát. Đó là đại bi, là vì các Bồ-tát và chư Phật Thế Tôn, gọi là các bậc địa hiểu biết về cái chết.

Hỏi: Chỗ này nên suy nghĩ tùy theo Bồ-tát, vì sợ trú trong địa ngục, hay là sợ rơi vào phần vị Thanh văn, Độc giác?

Đáp:

*Giả sử rơi địa ngục
Bồ-tát không sợ hãi
Vào Thanh văn, Độc giác
Thì thành sợ hãi lớn.*

Giả sử Bồ-tát ở trong địa ngục, cùng với vô lượng vô số khổ não

vây quanh, không bằng nỗi sợ hãi rơi vào phần vị Thanh văn, Độc giác.

Hỏi: Tại sao như vậy?

Đáp:

*Không rơi trong Nê-lê
Rốt ráo ngăn Bồ-đề
Địa Thanh văn, Độc giác
Thành chướng ngại vô cùng.*

Giả sử đi vào địa ngục, đối với đạo quả chánh giác, không thể trở thành chướng ngại cuối cùng. Lúc ở trong địa ngục, thậm chí nghiệp ác đạt tới mức độ cao nhất, đối với đạo Bồ-đề chỉ tạm thời làm cho chướng ngại. Nhưng nếu Bồ-tát rơi vào phần vị Thanh văn, Độc giác, thì rốt cuộc không thể sanh tâm hướng đến chánh giác, cho nên rơi vào địa Thanh văn, Độc giác, chính là chướng ngại đối với đạo quả Chánh giác. Do nghĩa này, nên Bồ-tát vào trong địa ngục địa ngục, không sợ hãi bằng rơi vào phần vị Thanh văn, Độc giác.

Hỏi: Nỗi sợ hãi đó như thế nào?

Đáp:

*Như người quý tuổi thọ
Sợ hãi việc chém đầu
Địa Thanh văn, Độc giác
Dấy sợ hãi như vậy.*

Trong kinh Đức Phật có dạy như vậy: Như người quý trọng tuổi thọ, sợ hãi khi phải chém đầu, Bồ-tát muốn cầu Bồ-đề vô thượng, sợ hãi vị Thanh văn, Độc giác cũng như vậy. Thế nên Bồ-tát tuy vào Nê-lê mà không sợ bằng rơi vào vị Thanh văn, Độc giác.

Hỏi: Đã nói các vị Bồ-tát chưa đạt được nhãn vô sanh bị chướng ngại nơi pháp, Bồ-tát này làm sao đạt được nhãn vô sanh?

Đáp:

*Không sanh cũng không diệt
Phải không sanh không diệt
Phi cả hai, không hai
Không, bất không cũng vậy.*

Trong đây, nói lúc Bồ-tát quán duyên sanh suy nghĩ như vậy: Có pháp duyên sanh chỉ là thiết lập mà có, như trong vô sanh mà có sanh. Vì vậy tự thể của sanh ấy không thành tựu. Tự thể không thành tựu nên sanh thì chẳng phải có. Như tự thể của sanh chẳng phải là có, với diệt kia trở thành hai, cả hai đều không có thể như sanh diệt. Không sanh

và không diệt kia làm thành hai, cả hai cũng hoàn toàn không có thể. Trong hai loại sanh diệt ấy, sanh không sanh ra-diệt không diệt đi, cũng không có gì trái ngược lẫn nhau. Không cũng như vậy, vì như tự thể của có ấy không có, thì bất không và không bất không kia cũng như vậy.

Hỏi: Nếu khởi lên ý niệm như vậy: Vì duyên sanh nên các pháp không có tự thể. Tại sao lại dấy lên ý niệm này: Cũng không có pháp nào là duyên sanh?

Đáp:

Theo những pháp vốn có

Trong đó quán bất động

Ấy là nhãn vô sanh

Đoạn dứt mọi phân biệt.

Như vậy, lúc Bồ-tát quán duyên sanh như thật, đạt được cái thấy xa rời tự thể của các pháp, vì thấy xa rời tự thể, lập tức đoạn trừ chấp thủ tự thể của pháp. Lúc đoạn trừ chấp thủ tự thể của pháp, dấy lên ý niệm như vậy: Không phải là không có pháp trong ngoài, nhưng không có tự thể của pháp, tuy có pháp duyên sanh, nhưng giống như bó lau sậy, huyền mộng. Nếu pháp thuận theo duyên sanh, thì tự thể kia không sanh ra. Thực hiện quán xét như vậy rồi, thì hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, tự mình không thể nào lay động, nhưng không giữ lấy chứng đắc (thủ chứng). Lúc ấy, vì vui với sự quán xét pháp vô sanh, đoạn trừ mọi sự phân biệt, gọi là nhãn vô sanh. Bồ-tát này đã trú vào địa Bất động, là Địa thứ tám của Bồ-tát. Kệ nói:

Đã được nhãn này rồi

Tức thời được thọ ký

Ông tất sẽ thành Phật

Nên được không thoái chuyển.

Đạt được nhãn vô sanh này, ngay vào lúc đạt được, không trước không sau, chư Phật hiện rõ trước mắt thọ ký làm Phật: Ông vào đời sau, ở trong kiếp nọ - thế giới nọ - thời gian nọ - nơi chốn nọ, sẽ thành Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri hiệu ấy... Đây gọi là Bồ-tát bất thoái chuyển.

Hỏi: Các Bồ-tát trú từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ bảy, đều quyết định hưởng đến tam Bồ-đề, tại sao không nói là bất thoái chuyển, chỉ nói là trú nơi địa Bất động của Bồ-tát mới là bất thoái chuyển?

Đáp:

Các Bồ-tát trú địa Bất động

Đạt được trí bất thoái nơi pháp

*Trí kia, Nhị thừa không thể chuyển
Vì vậy được gọi là bất thoái chuyển.*

Điều này nói là tất cả thiện căn xuất thế gian như tín..., các hàng Thanh văn, Độc giác cho đến Bồ-tát trú ở Địa thứ bảy, không thể nào tạo chướng ngại khiến thiện căn đó thối chuyển được, nên gọi là bất thoái chuyển, không phải là mười bậc Bồ-tát khác vì tam Bồ-đề ở trong các pháp mà bất thoái chuyển. Đã nói về nhân duyên bất thoái chuyển, ở đây còn được sự thọ ký thù thắng. Trong pháp Đại thừa nói có bốn loại thọ ký: Thọ ký khi chưa phát tâm Bồ-đề, cùng phát tâm Bồ-đề được thọ ký, thọ ký lặng lẽ kín đáo, thọ ký công khai trước mặt, đây là bốn loại thọ ký.

Ở trong cách thọ ký cho người chưa phát tâm Bồ-đề, người ấy căn lành lợi, có đủ niềm tin tăng thượng, Đức Phật dùng Phật nhãn vô ngại quan sát, rồi thọ ký cho họ. Thọ ký cùng phát tâm Bồ-đề là trước đã tu tập thành thực chủng tử thiện căn và chủng tử Bồ-đề, căn đó mạnh mẽ sắc bén, đạt được công hạnh tăng thượng, chỉ mong muốn giải thoát cho mọi chúng sanh, ngay lúc phát tâm đi vào vị bất thoái chuyển, không có pháp nào rơi rụng, xa rời tám điều không an nhàn, gọi là tám nạn. Người này hoặc nghe tự mình thọ ký, đối với sáu Ba-la-mật không biểu lộ tinh tấn. Nếu như không nghe lại biểu lộ tinh tấn để khiến không nghe, muốn làm cho người khác nghe được sự thọ ký đó, đoạn trừ tâm ý nghi ngờ, Đức Phật dùng uy thần lặng lẽ kín đáo thọ ký. Nếu Bồ-tát thành thực năm căn xuất thế, đạt được nhãn vô sanh, trú trong địa Bất động của Bồ-tát, lúc ấy lập tức hiện rõ trước mặt để thọ ký. Đây là bốn loại thọ ký. Ngoài ra còn có mật ý thọ ký, là thứ năm, như trong Kinh Pháp Hoa đã nói:

*Chúng ta đều tùy hỷ
Đại Tiên nói ý mật
Như thọ ký Thánh giả
Xá-lợi-phất vô úy.
Chúng ta cũng sẽ được
Quả vị Phật vô thượng
Lại dùng lời ý mật
Nói Chánh giác vô thượng.*

Vì nghĩa gì nói lời đặc biệt để thọ ký? Có luận sư giải thích: Vì khiến cho người chưa quyết định đi vào thừa Thanh văn phát tâm Bồ-đề. Còn những người đã phát tâm Bồ-đề lúc đầu làm Bồ-tát, sợ nổi khổ lưu chuyển, muốn quay về Niết-bàn của Thanh văn chọn lấy diệt độ, làm

cho tâm Bồ-đề của họ được kiên cố. Lại có Bồ-tát nơi cõi Phật phương khác, tụ tập nơi cõi này, khi Phật thọ ký đến, vì tên gọi tương tự, nhận được sự thọ ký đó. Các luận sư phân biệt lời nói đặc biệt để thọ ký. Như vậy, ở trong nghĩa lý thật sự chỉ có Đức Phật mới biết rõ điều đó.

Bồ-tát cho đến đạt

Chư Phật hiện rõ trước

Tam-ma-đề vững chắc

Không nên khởi phóng dật.

Chư Phật hiện rõ trước mắt, đạt được Tam-ma-đề rồi an trú. Nghĩa là hiện tại chư Phật hiện rõ trước mặt người đó, an trụ vào Tam-ma-đề. Tam-ma-đề ấy là trụ bình đẳng. Bồ-tát thậm chí chưa đạt được Tam-ma-đề này, trong thời gian ấy không nên buông lung, vì chưa đạt được Tam-ma-đề, Bồ-tát hãy còn rơi vào đường ác, chưa xa rời những điều không an ổn, do đó vì đạt được Tam-ma-đề này, nên không buông lung. Nếu đạt được Tam-ma-đề, những nỗi sợ hãi kia đều được giải tỏa. Tam-ma-đề ấy có ba loại, đó là duyên nơi sắc, duyên nơi pháp và không duyên dựa. Trong đó, nếu duyên nơi hình sắc tướng hảo trang nghiêm nơi thân Như Lai, nghĩ đến Phật, đây là Tam-ma-đề duyên nơi sắc. Nếu trở lại duyên vào thân có đủ mười danh hiệu, mười lực vô úy, pháp Phật bất cộng cùng vô lượng loại sắc và công đức của Phật, nghĩ đến Phật, đây là Tam-ma-đề duyên nơi pháp. Nếu tiếp tục không duyên theo sắc, không duyên theo pháp, cũng không dấy lên ý nghĩ đến Phật, cũng không có gì đạt được, xa rời các tướng không Tam-ma-đề, đây là Tam-ma-đề không duyên. Nơi thời gian Bồ-tát mới phát tâm, đạt được Tam-ma-đề duyên nơi sắc, sau đó đi vào thực hành là duyên nơi pháp, đạt được nhãn vô sanh là không duyên dựa. Như vậy đều gọi là được quyết định, tự tại không còn ràng buộc.

Chư Phật hiện trước mắt

Tam-ma-đề vững chắc

Đây là cha Bồ-tát

Đại bi, nhãn là mẹ.

Ở đây đã nói về ba loại Tam-ma-đề. Hiện tại Đức Phật hiện rõ trước mắt, thấu tóm công đức của các Bồ-tát và công đức của chư Phật, nên nói là cha của các vị Bồ-tát. Đại bi là ở trong dòng lưu chuyển của sanh tử, không sanh ra một mới. Còn đối với bến bờ của vị Thanh văn, Độc giác, bảo vệ khiến không thuận theo, vì vậy nói là mẹ. Nhãn là đạt được nhãn vị của Bồ-tát, ở trong các khổ lưu chuyển và các chúng sanh xấu ác, không chán nản sự lưu chuyển, không rời bỏ chúng sanh

cho đến Bồ-đề. Do không nảy sanh chán nản, nên hẳn này còn làm mẹ của các Bồ-tát. Lại có kệ khác nói:

*Trí độ dùng làm mẹ
 Phương tiện trở thành cha
 Vì sanh khởi, giữ gìn
 Nói cha mẹ Bồ-tát.*

Vì Bát nhã Ba-la-mật phát sanh pháp của các Bồ-tát, nên Đức Phật nói Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát. Pháp của các Bồ-tát từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra, được giữ gìn bằng phương tiện khéo léo, không khiến hường đến bến bờ của địa Thanh văn, Độc giác, vì chính là giữ gìn Bồ-đề, nên nói phương tiện khéo léo là cha của Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát nhờ vào bao nhiêu phước để có thể đạt được Bồ-đề?

Đáp:

*Phước tích tụ chỉ ít
 Không thể đạt Bồ-đề
 Lượng phước trăm Tu Di
 Tích lũy được mới đạt.*

Bồ-đề, gọi là trí Nhất thiết trí, trí ấy không ai có thể biết đầy đủ. Nên biết là sánh cùng với hư không, hư không vô biên nên sự hiểu biết cũng vô biên. Dùng phước đức có hạn lượng thì không thể đạt được Bồ-đề. Làm sao đạt đến phước đức vô lượng cả trăm Tu Di, tích lũy gom góp mới có thể đạt được Bồ-đề?

